

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 277/2025/HS-PT

Ngày: 30 - 12 -2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Ông Hoàng Rung K' Nhon

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Xuân Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 228/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Hoàng Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2025/HS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 4 - Lâm Đồng.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn T**, sinh năm: 1982 tại: Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Thôn Á, phường C B, Lâm Đồng (*Địa chỉ cũ: Thôn Á, xã L, thành phố B, Lâm Đồng*); nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T1 và bà Lê Thị X; vợ: Trần Thị Kim L; con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm: 2006 và nhỏ nhất sinh năm: 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo H đang tại ngoại. Có mặt.

Trong vụ án còn có bị hại nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị; không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 4 năm 2024 Hoàng Văn T là chủ Gara ô tô Tuân Phát ở địa chỉ I Đ, phường B, thành phố B, Lâm Đồng (*Nay là địa chỉ I đường Đ, phường B B, Lâm Đồng*) có nhu cầu thuê xe ô tô cho khách hàng đang chờ sửa chữa xe ô tô tại gara của T thuê lại để hưởng tiền chênh lệch nên T đã liên hệ thuê chiếc xe ô tô Toyota Innova biển số 49A-396.95 của ông Bùi Văn N, nơi cư trú: Số A đường T, phường B B, Lâm Đồng và được ông N đồng ý cho thuê. Đến sáng ngày 26/04/2025 Hoàng Văn T và ông Bùi Văn N ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô biển số 49A-396.95 với nội dung T thuê chiếc xe ô tô của ông N với thời gian thuê là 01 tháng từ ngày 26-4-2024 đến 26-5-2024, tiền thuê xe là 600.000 đồng/ngày (17.000.000 đồng/tháng), sau khi hết thời hạn mà T vẫn tiếp tục có nhu cầu thuê, hai bên sẽ tiếp tục ký hợp đồng thuê xe hàng tháng với nội dung tương tự. Trong cùng thời gian trên, T có vay nợ của chị Lê Thị Việt A, trú tại: Số A đường H, phường L, thành phố B, Lâm Đồng (*Nay là địa chỉ A Hà Giang, phường B, Lâm Đồng*) số tiền 550.000.000 đồng nhưng chưa trả và đang bị chị Việt A đòi nợ, hai bên hẹn nhau sẽ gặp và nói chuyện vào chiều ngày 26-4-2024. Do bị đòi nợ lúc này T nảy sinh ý định dùng chiếc xe ô tô Toyota Innova biển số 49A-396.95 vừa thuê của ông N lúc sáng thế chấp cho chị Việt A, khi nào có tiền sẽ trả và chuộc lại xe. Để thực hiện ý định, vào chiều ngày 26-4-2024 T liên hệ với Bùi Đỗ Minh T2, là con của ông N và nhờ T2 đi cùng T đến gặp Việt A, T2 đồng ý. Sau đó T điều khiển xe ô tô Toyota Innova biển số 49A-396.95 đi trước còn T2 điều khiển xe mô tô đi sau đến gặp chị Việt A ở địa chỉ: số G N, phường B B, Lâm Đồng để thương lượng. Khi đến nơi, T vào trong nhà gặp chị Việt A để nói chuyện còn T2 đứng ngoài đường không vào, lúc này T có nói với chị Việt A là chưa có tiền trả nhưng chị Việt A tiếp tục hỏi thúc T trả tiền. T nói với chị Việt A là T có chiếc xe ô tô của người khác vay tiền T chưa trả đang thế chấp nên T đề nghị thế chấp chiếc xe ô tô Toyota Innova biển số 49A-396.95 cho chị Việt A vài ngày, khi có tiền sẽ đến trả và lấy xe về, chị Việt A đồng ý. Sau đó T giao chìa khóa và chiếc xe ô tô cho chị Việt A. Khi ra ngoài gặp T2 thì T nói với T2: “*Anh để xe ô tô của bố em ở đây cho người ta mấy hôm rồi lấy về*”, lúc này T2 nghĩ rằng T mang chiếc xe ô tô của ông N cho thuê lại kiếm lời nên chỉ nói “*Anh làm việc với bố em như thế nào thì anh cứ làm như vậy thôi, em không biết*” rồi T2 chở T về. Sau khi nhận chiếc xe ô tô từ T, chị Việt A có liên hệ với chị Văn Thị Mỹ Y, nơi cư trú: Số A đường Đ, phường L, thành phố B, Lâm Đồng (*Nay là I Đ, phường B, Lâm Đồng*) để nhờ tìm chỗ đậu chiếc xe ô tô, nên chị Y giới thiệu cho chị Việt A liên hệ và mang chiếc xe ô tô đến gửi tại nhà chị Nguyễn Thị Thu T3, ở địa chỉ số D đường N,

phường B, thành phố B, Lâm Đồng (Nay là D N, phường B B, Lâm Đồng). Sau đó chị Việt A nhiều lần liên hệ với T để yêu cầu T trả tiền và nhận xe về nhưng không liên hệ được nên vẫn tiếp tục để xe tại nhà chị T3. Sau khi ông N cho T thuê xe, trong thời gian từ ngày 26-4-2024 đến 10-10-2024, giữa hai bên đã lập 06 hợp đồng thuê xe với nội dung như thỏa thuận, tuy nhiên mỗi khi hết hạn hợp đồng ông N đều yêu cầu T mang xe về cho ông N kiểm tra và ký hợp đồng mới nhưng T đều lấy lý do xe đang cho khách hàng thuê lại chưa lấy về kịp nên không mang xe về cho ông N kiểm tra xe. Do T vẫn đề nghị thuê xe tiếp và thanh toán tiền đều đặn nên ông N tin tưởng và tiếp tục cho thuê xe. Đến giữa tháng 10 năm 2024 do hợp đồng cũ đã hết hạn từ 10-10-2024 ông N yêu cầu T nếu muốn tiếp tục thuê xe thì phải mang xe về cho ông N kiểm tra và ký hợp đồng mới theo từng tuần đồng thời tăng tiền thuê xe lên 1.000.000 đồng/ ngày. Tuy nhiên, lúc này T không trả tiền thuê xe cho ông N, cũng không mang xe về cho ông N kiểm tra, ông N đã liên hệ với T nhiều lần nhưng không được do trong cùng thời gian này T đang nợ tiền nhiều người và không có khả năng trả lại tài sản. Đến ngày 28/10/2024 do nghi ngờ xe ô tô bị T mang cầm cố, ông N hỏi con là Bùi Đỗ Minh T2 thì T2 có nói xe được T mang đi thế chấp. Sau đó ông N đi tìm và phát hiện chiếc xe ô tô 49A-396.95 của mình được bà Lê Thị Việt A nhận cầm cố thế chấp và đang để ở nhà bà Nguyễn Thị Thu T3 ở địa chỉ D N, phường B B, Lâm Đồng. Quá trình xác minh, chiếc xe ô tô 49A-396.95 đứng tên chủ sở hữu là Trung tâm G, địa chỉ: Đường T, xã L, thành phố B, Lâm Đồng (Nay là đường T, phường B, tỉnh Lâm Đồng). Tuy nhiên, chiếc xe trên là do ông Bùi Văn N góp vốn vào để dạy lái xe, ngày 01-5-2021 Trung tâm G và ông Bùi Văn N ký hợp đồng mua bán xe số 01/HĐMBX/2021 về việc bán chiếc xe ô tô 49A-396.95 cho ông Bùi Văn N với giá 700.000.000 đồng, hai bên chưa thực hiện thủ tục chuyển tên đăng ký xe theo quy định.

Tại kết luận định giá tài sản số 104 ngày 03-12-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận giá trị của chiếc xe ô tô Toyota Inova biển số 49A-396.95 là 330.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định chữ ký, chữ viết số 279 ngày 12-5-2025 của phòng K Công an tỉnh L kết luận chữ ký và chữ viết ghi họ tên Hoàng Văn T trong 06 hợp đồng thuê xe tự lái đề ngày 26-4-2024, 26-5-2024, 26-6-2024, 26-7-2024, 26-8-2024, 25-9-2024 so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn T trên tài liệu mẫu và bản tường trình mang tên Hoàng Văn T đề ngày 09-12-2024 là do cùng một người ký và viết ra.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại 01 xe ô tô Toyota Inova, biển số 49A-396.95 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Bùi Văn N, hiện không còn thu giữ vật chứng gì trong vụ án.

Về dân sự: Bị hại ông Bùi Văn N đã nhận số tiền bồi thường 20.000.000 đồng và không còn yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Bản Cáo trạng số: 11/CT-VKSBL ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2025/HS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 4 - Lâm Đồng đã xử:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo 05 (Năm) tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 18-8-2022 bị cáo Hoàng Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Hoàng Văn T ngoài việc đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo T bổ sung thêm nội dung thêm kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình

sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện tại giai đoạn sơ thẩm là hợp pháp.

[2] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo đúng về hình thức, nội dung, trong thời hạn kháng cáo nên hợp lệ, đủ cơ sở để xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[3] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi như phần nội dung bản án sơ thẩm đề cập, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm; phù hợp lời khai của bị hại; kết luận định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận:

Ngày 26-4-2024 Hoàng Văn T, sau khi ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô biển số 49A-396.95 nhãn hiệu Inova của ông Bùi Văn N, do nợ tiền của bà Lê Thị Việt A và bị yêu cầu thanh toán, bị cáo đã nảy sinh ý định thế chấp chiếc xe nêu trên cho bà Việt A mà không thông báo và được sự đồng ý của ông N. Theo kết luận định giá tài sản chiếc xe bị cáo mang thế chấp có giá trị là 330.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” thuộc trường hợp định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội danh, không oan sai.

[4] Về kháng cáo và hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trị an tại địa phương. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ bao gồm: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định. Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy rằng, mức hình phạt 05 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là trong khung hình phạt, đúng quy định, tuy nhiên có phần nặng và nghiêm khắc. Bởi lẽ, trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng vi phạm pháp luật; tài sản sau khi bị chiếm đoạt đã được trả lại cho chủ sở hữu nên trên thực tế chưa gây thiệt hại, đối chiếu quy định tại khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30-9-2025 của Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 Bộ luật Hình sự thì đây được xem là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, khoản 1

Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó tại giai đoạn phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ này. Do bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới và có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ khác tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, có cơ sở để áp dụng khoản 1 Điều 54 để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình cho bị cáo tại giai đoạn phúc thẩm là phù hợp.

Đối với việc kháng cáo bổ sung đề nghị xin hưởng án treo, qua xem xét thì thấy rằng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và như đã đánh giá thì Hội đồng xét xử đã chấp nhận kháng cáo của bị cáo để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo là đã có sự cân nhắc, đánh giá đến nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội và nhân thân của bị cáo; việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ không nghiêm, tạo dư luận xấu và không đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Từ phân tích trên, cần thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa phúc thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Về các vấn đề khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 355; điểm c, khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2025/HS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lâm Đồng, giảm hình phạt cho bị cáo.

Tuyên xử:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: bị cáo Hoàng Văn T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Hoàng Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng GD, TT, KT&THA (02);
- TAND khu vực 4 – Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 4 – Lâm Đồng (01);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Cơ quan THAHS tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01);
- Hồ sơ THAHS (01);
- Văn phòng TAND tỉnh Lâm Đồng (01)
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Hoàn